

Bản án số: 34/2022/DSST

Ngày 07 tháng 12 năm 2022

V/V: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thân Thị Lụa

2. Ông Đào Xuân Thịnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Hoàng
Quang Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 59/2022/TLST-DS ngày 04/10/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 09/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1981, địa chỉ: thôn D, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ *Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2022, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:* Bà và ông Nguyễn Xuân L có quan hệ quen biết, thân thiết nhận chị em kết nghĩa. Ông L làm xây dựng, vì là chỗ thân thiết, nhiều lần bà cho ông L vay tiền cũng như ứng tiền mua nguyên vật liệu để ông L xây dựng các công trình quanh huyện Yên Dũng. Có lần ông L trả tiền cho bà ngay, có lần bà ghi lại rồi giữa bà và ông L chốt nợ.

Ngày 30/01/2021 (Dương lịch), bà và ông L có chốt lại số nợ ông L còn nợ bà là 286.712.000 đồng, ông L ghi giấy vay tiền, bà là người giữ giấy. Sau ngày viết giấy vay tiền ông L đã trả cho bà nhiều lần, tính đến hết tháng 6/2021 (dương lịch) với số tiền là 59.337.000 đồng, số tiền ông L còn nợ bà là 227.375.000 đồng từ tháng 7/2021 (dương lịch) ông L không trả bà được đồng tiền nào, bà có đến đòi nhiều lần ông L không trả được cho bà. Khi chốt nợ ông L là người viết giấy vay, do là chỗ thân thiết vì vậy bà không ghi tiền lãi, thời hạn thanh toán trong vòng một tháng từ tháng 4 đến tháng 5 (âm lịch) năm 2021.

Số tiền trên là tiền riêng của bà không liên quan gì đến chồng và con bà, bà giao dịch với ông L không liên quan gì đến vợ ông L, vì vậy bà không yêu cầu đưa chồng bà và vợ ông L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nay bà yêu cầu ông L phải trả cho bà số tiền còn nợ và tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2021.

Tại phiên tòa bà Nh trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ 227.375.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/7/2021 (dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật

+ ***Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Xuân Lg trình bày:*** Ông làm nghề xây dựng, nhiều lần có nhờ bà Nh đứng ra mua nguyên vật liệu xây dựng giúp ông, có lần ông trả tiền cho bà Nh ngay, có lần ông chưa trả được thì bà Nh ghi sổ. Ngày 30/01/2021, ông và bà Nh chốt nợ, ông còn nợ bà Nh số tiền 286.712.000 đồng. Giấy vay tiền, ông là người viết giấy vay sau đó đưa cho bà Nh giữ. Sau khi chốt nợ ông đã trả cho bà Nh nhiều lần, bà Nh trình bày ông đã trả được số tiền 59.337.000 đồng là đúng, lần cuối cùng ông trả tiền cho bà Nh vào thời gian nào ông không nhớ. Đến nay ông còn nợ bà Nh 227.375.000 đồng như bà Nh yêu cầu là đúng, ngoài số tiền trên ông không còn nợ bà Nh số tiền nào khác. Trong giấy vay tiền ông có ghi vợ chồng ông còn nợ bà Nh, do bà Nh yêu cầu ông viết như vậy, nhưng thực tế vợ ông không liên quan gì đến số tiền ông nợ bà Nh, đây là tiền làm ăn giữa ông và bà Nh. Nay bà Nh yêu cầu ông phải trả số tiền nợ gốc 227.375.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2021, ông không đồng ý trả tiền lãi, ông đồng ý trả tiền gốc còn nợ bà Nh

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì ông L không đến Tòa án làm việc theo thông báo.

- Ngày 23/11/2022, Tòa án mở phiên tòa, nhưng ông Lg vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay ông L tiếp tục vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lương .

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh, buộc ông L phải trả cho bà Nh số tiền gốc là 227.375.000 đồng đồng và tiền lãi của số tiền vay kể từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.704.000 đồng; Về án phí: ông L phải chịu án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt ông Lương là phù hợp với qui định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Do mối quan hệ thân thiết, bà Nh có nhiều lần mua nguyên vật liệu hộ ông L và có những lần ông L vay tiền bà Nhượng, ngày 30/01/2021 giữa bà Nh và ông L chốt sổ nợ và ông Lương có viết giấy vay tiền bà Nh, theo như giấy vay tiền đề ngày 30/01/2021 thể hiện ông L có vay của bà Nh số tiền 286.712.000 đồng. Bà Nh có đòi nhiều lần ông L trả 59.337.000 đồng, số tiền còn lại ông Lương không trả được cho bà Nh, các bên không giải quyết được tranh chấp, nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L đang sinh sống tại địa chỉ: thôn D, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu buộc ông L phải trả số tiền gốc còn nợ là 227.375.000 đồng theo giấy viết ngày 30/01/2021 thì thấy: Ngày 30/01/2021 ông L có viết giấy vay của bà Nh số tiền 286.712.000 đồng. Bà Nh và ông L đều thừa nhận số tiền trên là do bà Nh mua nguyên vật liệu hộ ông L, hai bên đã chốt

nợ, ông L thừa nhận có nợ bà Nh số tiền trên và đã trả được cho bà Nh số tiền 59.337.000 đồng, số tiền ông L còn nợ bà Nhượng là 227.375.000 đồng, ông L nhất trí trả cho bà Lượng số tiền trên. Việc các bên thừa nhận số tiền nợ từ việc bà Nh mua hộ nguyên vật liệu giúp ông L, sau đó ông L đã viết giấy vay tiền đối với bà Nh. Nay bà Nh yêu cầu ông L phải trả số tiền còn nợ 227.375.000 đồng theo giấy vay đề ngày 30/01/2021 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 466, Bộ luật dân sự, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc ông L phải trả tiền lãi kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là ngày ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất của pháp luật thì thấy: Nội dung giấy vay tiền ngày 30/01/2021, các bên không thỏa thuận lãi suất, bà Nh và ông L đều thừa nhận không có lãi, giấy vay tiền có thể hiện thời hạn thanh toán kể từ đầu tháng tư đến ngày 25/5 năm 2021 (dương lịch). Ông Lương có thanh toán cho bà Nh số tiền 59.337.000 đồng, đến hết tháng 6 năm 2021, từ tháng 7 năm 2021 bà Nh có đòi nhiều lần nhưng ông L không trả.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”.

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau: “...Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);”

Nay bà Nh đề nghị tính lãi suất từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là ngày ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật là phù hợp với khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh.

Lãi suất được áp dụng là 10%/năm, từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/12/2022 là 01 năm 05 tháng 5 ngày.

Vậy số tiền lãi được tính là $(227.375.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 01 \text{ năm}) + (227.375.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng}) + (227.375.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 5 \text{ ngày}) = 32.480.518 \text{ đồng}$.

[4.3] Về án phí: Yêu cầu của bà Nh được chấp nhận, do vậy ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Xử:

2.1. Buộc ông Nguyễn Xuân L phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 259.855.518 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm mười tám đồng), trong đó tiền gốc là 227.375.000 đồng, tiền lãi là 32.480.518 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/01/2021.

2.2. Án phí:

- Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 12.992.775 đồng án phí DSST.
- Hoàn trả bà Nguyễn Thị Nh số tiền 7.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009669, ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

2.3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng
- CCTHADS huyện Yên Dũng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo